

Bản án số: 153/2025/HC-PT

Ngày 12/3/2025.

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính về
lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán:

ông Trương Công Thi

ông Phạm Văn Hợp

- Thư ký phiên tòa: bà **Đinh Thị Trang**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: ông **Phạm Tấn Anh**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 390/2024/TLPT-HC ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2024/HC-ST ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 510/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà **Nguyễn Thị Thanh T** - sinh năm 1967;

Địa chỉ: **số nhà A**, tầng 1 khu 5 tầng, **đường T**, **phường A**, **quận L**, **thành phố Hải Phòng**. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông **Lê Bá L** - sinh năm 1990 (văn bản ủy quyền ngày 23/6/2020); địa chỉ: **xã T**, **thành phố T**, **tỉnh Quảng Nam**. Có mặt.

2. Người bị kiện: **Ủy ban nhân dân thành phố T**.

Địa chỉ: **số G đường H**, **thành phố T**, **tỉnh Quảng Nam**.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông **Trần Trung H** - chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T (văn bản ủy quyền số 47GUQ-UBND ngày 25/02/2021). Có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông **Phạm Thế M** - chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T. Vắng mặt.

- Ông **Trương Thanh K** - chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: ông **Trương Thanh K** - chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: ông **Lê Bá L** là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà **Nguyễn Thị Thanh T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các văn bản có tại hồ sơ vụ án, người khởi kiện bà **Nguyễn Thị Thanh T** trình bày:

Năm 2003, ông **Nguyễn Văn S** (là cha của bà **Nguyễn Thị Thanh T**) được Nhà nước cấp cho một lô đất thửa đất số 549, tờ bản đồ số DC13, có chiều ngang là 6,23m và chiều dài là 44,4m để làm nhà ở, diện tích đất này gia đình ông **S** sử dụng trước ngày 01/7/2004. Ông **S** làm nhà ở trước khi ông chết là vào ngày 29/5/2017. Ngày 29/6/2012, ông **S** đã làm hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất với diện tích là 287,2m². Hiện nay thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 549, tờ bản đồ số 13, diện tích 287,2m² tại **thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam** cho gia đình bà **T**.

Ngày 03/4/2020, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 1789/QĐ-UBND có nội dung điều chỉnh nội dung Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T như sau: “1. Điều chỉnh cụm từ “35 Hộ gia đình, cá nhân” thành “34 Hộ gia đình, cá nhân”. Tại danh sách kèm theo, huỷ bỏ giá trị thửa đất số 549, tờ bản đồ số 13, diện tích 287,2 m² của hộ ông **Nguyễn Văn S** (vị trí số thứ tự 31). Việc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 là không đúng quy định pháp luật, làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình. Bà **T** là người đại diện được hưởng thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích 287,2 m² thuộc quyền sử dụng của ông **Nguyễn Văn S** và bà **Vương Thị N**. Do đó, bà **T** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T về điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày

22/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 287,2m² thuộc số thửa 549, tờ bản đồ số 13, địa chỉ tại thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn S (đã chết) theo đúng quy định của pháp luật.

* Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:

Năm 2018, thực hiện dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai, Ủy ban nhân dân xã T đã lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ trên địa bàn xã (trong đó có trường hợp hộ ông Nguyễn Văn S đang quản lý, sử dụng thửa đất số 549, tờ bản đồ số 13, diện tích 287,2m²). Tuy nhiên, trong quá trình kiểm tra hồ sơ thì Ủy ban nhân dân xã T nhận thấy diện tích thuộc đất LNK, tên chủ sử dụng đất là đất công ích và một phần diện tích đã bị thu hồi đất để thực hiện dự án khu dân cư N (theo Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 16/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q, Quyết định số 5697/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố T). Ủy ban nhân dân xã T đã có công văn số 73/UBND-ĐC ngày 19/7/2018, Tờ trình số 82/TTr-UBND ngày 23/11/2018 đề nghị hủy bỏ hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân thành phố T đã ban hành Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T là đúng quy định.

* Tại Công văn số 08/UBND-ĐC ngày 03/02/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T trình bày:

Ủy ban nhân dân xã T họp Hội đồng tư vấn đất đai và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét dừng hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp hộ ông Nguyễn Văn S bởi: hộ ông S đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Dự án đo đạc thành hồ sơ địa chính có số thửa 549, tờ bản đồ số 13, diện tích 287,2m². Sau khi có Quyết định công nhận số 1777/QĐ-UBND ngày 22/3/2018, Ủy ban nhân dân xã T đã rà soát lại để mời công dân đến cơ quan chức năng kê khai thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước thì phát hiện thửa đất trên có một phần diện tích đo bao phần đất do Ủy ban nhân dân xã quản lý và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Q có Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 16/9/2009 thu hồi đất của Ủy ban nhân dân xã. Theo đó, thực hiện dự án khu dân cư N, hộ ông S được đo đạc bản đồ và có số thửa 11, tờ bản đồ số 02, diện tích 144,7m²; phần diện tích tăng lên so với bản đồ đo khu dân cư Nam Tam Thanh 142,5m² là thuộc một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 02, diện tích LNK, chủ sử dụng là Ủy ban nhân dân xã T. Đồng thời, theo hiện trạng thì diện tích 142,5m²

trước đây là ao nước và hiện nay là đất trống và đường đi vào nhà của một hộ dân khác, hộ ông S không trực tiếp sử dụng phần diện tích 142,5m² nêu trên. Do đó, hộ ông S không thể sử dụng diện tích 287,2m² trước ngày 01/7/2004. Việc xác nhận hộ ông S sử dụng đất trước 01/7/2004 là do sai sót trong quá trình lập hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông S trước đây. Từ những nội dung trên, Ủy ban nhân dân xã đã trình Hội đồng tư vấn đất đai xã xác nhận là việc xác nhận nguồn gốc đất trước đây chưa đảm bảo và đề nghị cơ quan chức năng xem xét dừng hồ sơ hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp hộ ông S.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2024/HC-ST ngày 04/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 115; khoản 3 Điều 116; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015; Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T về việc:

- Hủy Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T về điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 287,2m² thuộc số thửa 549, tờ bản đồ số 13, địa chỉ tại thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn S (đã chết) theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/4/2024, ông Lê Bá L là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thanh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: ông Lê Bá L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, buộc Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn S với diện tích 287,2m².

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Ông Lê Bá L không xuất trình tài liệu chứng cứ gì mới chứng minh cho nội dung kháng cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thanh T là ông Lê Bá L, giữ nguyên quyết

định của Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2024/HC-ST ngày 04/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện ông **Trần Trung H** - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố **T** có đơn xin vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã **T** đều vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, quyết định tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của ông **Lê Bá L** là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện bà **Nguyễn Thị Thanh T**, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về thủ tục: tại Giấy uỷ quyền ngày 23/6/2020 có nội dung: bà **Nguyễn Thị Thanh T** uỷ quyền cho ông **Lê Bá L** được liên hệ với Tòa án các cấp để xác lập hồ sơ pháp lý khởi kiện Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố **T**... mọi quyết định của ông **Lê Bá L** là ý chí, nguyện vọng của bà **Nguyễn Thị Thanh T**. Vì vậy, kháng cáo của ông **Lê Bá L** được coi là hợp lệ.

[2.2] Ngày 29/6/2012, hộ ông **Nguyễn Văn S** (là cha của bà **Nguyễn Thị Thanh T**) làm Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 549, tờ bản đồ số 13, diện tích 287,2m² (trong đó: đất ở tại nông thôn là 200m² và đất trồng cây lâu năm là 87,2m²), được Ủy ban nhân dân thành phố **T** quyền sử dụng đất tại Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 22/3/2018. Tuy nhiên, căn cứ Sổ mục kê đất và Sổ địa chính được phê duyệt năm 1998 thì thửa đất mà bà **Nguyễn Thị Thanh T** khiếu kiện được kê khai thuộc thửa đất số 237, tờ bản đồ số 14, diện tích là 34.686m², mục đích sử dụng đất là RTS, tên chủ sử dụng là đất công ích. Khi thực hiện Dự án khu dân cư **N**, thửa đất mà hộ ông **Nguyễn Văn S** đang quản lý, sử dụng được xác định là thửa đất số 11, tờ bản đồ số 02, diện tích là 144,7m². Riêng phần diện tích tăng lên 142,5m² so với bản đồ đo khu dân cư **N** là thuộc một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 02, loại đất LNK, chủ sử dụng là Ủy ban nhân dân xã **T**. Xét khi ông **Nguyễn Văn S** làm hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì trước đó ngày 09/12/2009, Ủy ban nhân dân thành phố **T** ban hành Quyết định số 5697/QĐ-UBND thu hồi diện tích 144,7m² đất mà hộ ông **Nguyễn Văn S** quản lý, sử dụng để xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu dân cư **N**. Như vậy, việc ông **S** yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất là sau khi đã có quyết định thu hồi đất. Do đó, bà **Nguyễn Thị Thanh T** yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích 144,7m² đất đã bị thu hồi, là không đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Xét thực tế hiện trạng sử dụng đất: tại công văn số 08/UBND-ĐC ngày 03/02/2021, Ủy ban nhân dân xã T xác định: diện tích 142,5m² đất trước đây là ao nước, hiện nay là đất trồng và đường đi vào nhà của một hộ dân khác, hộ ông S không trực tiếp sử dụng phần diện tích 142,5m² đất nêu trên. Nội dung công văn số 08/UBND-ĐC ngày 03/02/2021 còn nêu rõ: việc xác nhận hộ ông S sử dụng diện tích 287,2m² đất trước ngày 01/7/2004 là do sai sót trong quá trình xác lập hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận cho hộ ông S trước đây, nên đã đề nghị cơ quan có thẩm quyền dừng hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ ông S. Ngoài ra, tại Biên bản đối thoại ngày 23/02/2021, ông Nguyễn Thanh B - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T xác định: năm 2011 ông P (không nêu rõ họ) đã xin phép bằng miệng Ủy ban nhân dân xã T đổ đất trên phần diện tích 142,5m² đất để đưa máy sản xuất nước đá vào nhà máy sản xuất nước đá và ông P đã đổ đất san bằng. Mặt khác, tại Mạnh trích đo số 04-2024 được chi nhánh Văn phòng Đ duyệt ngày 22/01/2024 thể hiện: tổng diện tích hiện trạng đo đạc thực tế (theo ông Lê Bá L chỉ dẫn) là 260,7m². Như vậy, phần diện tích đất hộ ông S đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện trạng sử dụng là không trùng khớp. Vì vậy, không có cơ sở xác định hộ ông S đang sử dụng phần diện tích 142,7m² đất còn lại. Do đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 về điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và có căn cứ nên kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 nêu trên của ông Lê Bá L là không thể chấp nhận.

[2.4] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 287,2m² thuộc số thửa 549, tờ bản đồ số 13, địa chỉ tại thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn S (đã chết) theo đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy: do yêu cầu hủy Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T về điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân không được chấp nhận nên việc bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn S tại thửa đất nêu trên, với diện tích 287,2m² cũng không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Bá L không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình. Vì vậy, Hội

đồng xét xử bác kháng cáo của ông **Lê Bá L** như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do toàn bộ nội dung kháng cáo không được chấp nhận nên bà **Nguyễn Thị Thanh T** phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của ông **Lê Bá L** là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện bà **Nguyễn Thị Thanh T** và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2024/HC-ST ngày 04/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 115; khoản 3 Điều 116 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015; Luật Đất đai 2013; khoản 6 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Thanh T** về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T về điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 287,2m² thuộc số thửa 549, tờ bản đồ số 13, địa chỉ tại thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam cho hộ gia đình ông **Nguyễn Văn S** (đã chết) theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: bà **Nguyễn Thị Thanh T** phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000104 ngày 16/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (do ông **Lê Bá L** nộp).

3. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

** Nơi nhận:*

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Kim Liên

